

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

LÊ THỊ ANH ĐÀO

*Phòng Giáo dục và Đào tạo Đức Trọng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng  
Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế  
Email: anhdaothanhiiep@gmail.com*

**Tóm tắt:** Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam. Chương trình đòi hỏi phải đổi mới mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập các môn học nói chung và môn Tự nhiên và xã hội (TN&XH) ở cấp tiểu học nói riêng. Nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn TN&XH, chúng tôi đã nghiên cứu thực trạng hoạt động dạy học môn TN&XH ở các trường tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vẫn còn những mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức chưa được thực hiện thường xuyên và chưa đạt hiệu quả cao.

**Từ khóa:** Hoạt động dạy học, môn Tự nhiên và xã hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển bền vững của xã hội. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đầu tư các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và ban hành, triển khai Chương trình Giáo dục Phổ thông (GDPT) 2018 đều xuất phát từ sự quan tâm đó.

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 xác định Tự nhiên và Xã hội (TN&XH) là môn học bắt buộc ở các lớp 1, 2, 3, có thời lượng 70 tiết/ năm học. Môn học này được xây dựng dựa trên nền tảng khoa học cơ bản về TN&XH, cung cấp nền tảng quan trọng cho việc học tập các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở lớp 4, lớp 5 và các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội ở các cấp học trên. Cùng với các môn học khác và hoạt động giáo dục ở cấp Tiểu học, môn TN&XH góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm); các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực đặc thù là năng lực khoa học cho học sinh.[1] [2] [3]

Sau hai năm triển khai, hoạt động dạy học (HDDH) môn TN&XH theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 còn có nhiều vấn đề bất cập cần được quan tâm. Chất lượng dạy học môn TN&XH chưa thực sự đáp ứng mục tiêu đặt ra của Chương trình. Để có cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp cải thiện chất lượng HDDH môn TN&XH, cần có những nghiên cứu đánh giá toàn diện về thực trạng thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập và các điều kiện đảm bảo cho HDDH. Điều này càng cấp thiết khi việc triển khai HDDH môn TN&XH theo Chương trình GDPT 2018 mới đang ở giai đoạn đầu và chưa có nhiều nghiên cứu về thực trạng thực hiện.

Đức Trọng là huyện nằm ở vùng trung tâm của tỉnh Lâm Đồng. Với vị trí địa lý khá thuận lợi, huyện Đức Trọng đã phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và đầu tư cho giáo dục. Từ đó, giáo dục nói chung và giáo dục Tiểu học nói riêng ở huyện Đức Trọng đang có những chuyển biến căn bản cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, giống như ở nhiều địa phương khác, việc triển khai Chương trình GDPT 2018 nói chung và HỖ ĐH môn TN&XH nói riêng ở huyện Đức Trọng còn nhiều trở ngại, từ đó, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đổi mới của Chương trình. [4] [5]

Bài báo này trình bày kết quả đánh giá thực trạng HỖ ĐH môn TN&XH ở các trường tiểu học ở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, từ đó, nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng HỖ ĐH, góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

## 2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

*Khách thể nghiên cứu:* Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 45 cán bộ quản lý (CBQL) cấp trường và 153 giáo viên thuộc 11 trường tiểu học trên địa bàn huyện Đức Trọng. Bên cạnh đó, khách thể nghiên cứu còn bao gồm 150 học sinh khối lớp 3, trường tiểu học An Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

*Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng HỖ ĐH môn TN&XH. Gồm có phiếu điều tra dành cho CBQL, giáo viên và học sinh. Phiếu điều tra dành cho CBQL và giáo viên được thiết kế theo thang Likert 4 bậc, tương ứng với 4 mức độ, từ 1 đến 4. Phiếu điều tra dành cho học sinh được thiết kế theo thang Likert 3 bậc, tương ứng với 3 mức độ, từ 1 đến 3). Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) của mỗi nội dung. Ngoài ra, chúng tôi cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn với CBQL và giáo viên để làm rõ thêm các kết quả nghiên cứu.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Theo Chương trình GDPT 2018, mục tiêu giáo dục nói chung và mục tiêu dạy học môn TN&XH đã có những đổi mới. Chúng tôi đã khảo sát đánh giá của CBQL và giáo viên về hiệu quả thực hiện các mục tiêu dạy học môn TN&XH đó ở các trường tiểu học huyện Đức Trọng. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1 cho thấy hiệu quả thực hiện các mục tiêu dạy học môn TN&XH đều được CBQL và giáo viên đánh giá từ mức Khá đến Tốt. Xét chung theo từng nhóm khách thể, CBQL đánh giá có phần cao hơn giáo viên trong hiệu quả thực hiện các mục tiêu dạy học môn học (ĐTB chung của CBQL là 3,11 và của giáo viên là 2,94). Bên cạnh đó, trong mức độ thực hiện các mục tiêu, đánh giá của CBQL có sự phân hóa cao hơn (ĐTB từ 2,69 đến 3,38) so với nhóm giáo viên (ĐTB từ 2,75 đến 3,14).

Xét riêng từng mục tiêu, “*Hình thành, phát triển ở học sinh đức tính chăm chỉ*” được cả hai nhóm đánh giá cao nhất, mức Tốt ở nhóm CBQL và mức Khá ở nhóm giáo viên. Nhóm CBQL cũng đánh giá mức Tốt ở việc thực hiện mục tiêu “*Hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)*”. Cả hai nhóm đều đánh giá khá cao việc thực hiện các mục tiêu “*Hình thành, phát triển ở học sinh ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng*”, “*Hình thành, phát triển ở học sinh ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản*”. Ngược lại, cả hai nhóm CBQL và giáo viên đánh giá có phần thấp hơn ở mức độ thực hiện mục tiêu “*Hình thành, phát triển ở học sinh năng lực khoa học (nhận thức khoa học; tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học)*” và “*Hình thành, phát triển ở học sinh tình yêu con người, thiên nhiên*”.

Khi trao đổi về việc thực hiện mục tiêu dạy học môn TN&XH ở trường mình, cô A cho rằng: “Hiện nay, nhiều GV vẫn tập trung thời gian giảng dạy môn Toán và Tiếng Việt nhiều hơn dạy môn TN&XH cho học sinh được học tập trải nghiệm, một số CBQL chưa quán triệt mục tiêu HDDH môn TN&XH cho giáo viên, học sinh”. Trong thời gian tới, cần quán triệt hơn nữa tầm quan trọng và mục tiêu của HDDH học môn TN&XH trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục HS, từ đó thúc đẩy hoạt động này tại các trường trong huyện.

Bảng 1. Hiệu quả thực hiện mục tiêu dạy học môn TN&XH

TT	Mục tiêu dạy học	CBQL		Giáo viên	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Hình thành, phát triển ở học sinh tình yêu con người, thiên nhiên	2,91	0,60	2,75	0,94
2	Hình thành, phát triển ở học sinh đức tính chăm chỉ	3,38	0,58	3,14	0,89
3	Hình thành, phát triển ở học sinh ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng	3,22	0,64	3,07	0,79
4	Hình thành, phát triển ở học sinh ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản	3,24	0,68	3,01	0,86
5	Hình thành, phát triển ở học sinh tinh thần trách nhiệm với môi trường sống	3,07	0,58	2,89	0,93
6	Hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)	3,27	0,75	2,90	0,94
7	Hình thành, phát triển ở học sinh năng lực khoa học (nhận thức khoa học; tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học)	2,69	0,73	2,83	0,97
	<b>ĐTB chung</b>	<b>3,11</b>	<b>0,65</b>	<b>2,94</b>	<b>0,90</b>

Ghi chú:  $1 \leq ĐTB \leq 4$

### 3.2. Thực trạng thực hiện nội dung dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Chương trình GDPT 2018 đã xác định rõ nội dung dạy học môn TN&XH. Trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát ý kiến của CBQL và giáo viên về tần suất và hiệu quả thực hiện các nội dung dạy học môn TN&XH ở các trường Tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và giáo viên về tần suất thực hiện và hiệu quả thực hiện nội dung dạy học môn TN&XH

TT	Nội dung dạy học	Tần suất		Hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chủ đề về gia đình	2,77	0,88	3,50	0,56
2	Chủ đề về trường học	2,74	0,86	3,48	0,57
3	Chủ đề về cộng đồng địa phương	2,66	0,79	3,36	0,64
4	Chủ đề về thực vật và động vật	2,59	0,85	3,45	0,58
5	Chủ đề về con người và sức khỏe	2,79	0,88	3,54	0,55
6	Chủ đề về trái đất và bầu trời	2,76	0,88	3,42	0,71
	<b>ĐTB chung</b>	<b>2,72</b>	<b>0,86</b>	<b>3,46</b>	<b>0,60</b>

Ghi chú:  $1 \leq ĐTB \leq 4$

Bảng 2 cho thấy trong khi tần suất thực hiện các nội dung dạy học được đánh giá ở mức Khá thường xuyên (ĐTB chung là 2,72) thì hiệu quả thực hiện được đánh giá ở mức Tốt (ĐTB chung là 3,46). Trong đó, các nội dung được thực hiện có phần nhiều hơn là Chủ đề về con người và sức khỏe, Chủ đề về gia đình, Chủ đề về trái đất và bầu trời, Chủ đề về trường học; ngược lại, ít được thực hiện nhất là Chủ đề về thực vật và động vật, tiếp đến là Chủ đề về cộng đồng địa phương. Khá tương đồng, Chủ đề về con người và sức khỏe và Chủ đề về gia đình được đánh giá là thực hiện có hiệu quả cao nhất; trong khi Chủ đề về cộng đồng địa phương có hiệu quả thấp nhất, dù vẫn đạt mức Tốt.

Từ phỏng vấn, Hiệu trưởng trường tiểu học S. cho biết: “Hiện nay nội dung dạy học môn TN&XH cho học sinh của nhà trường còn nhiều hạn chế, lặp đi lặp lại. Chưa đa dạng hóa nội dung để tăng cường sự tương tác của người học. Nội dung “Chủ đề về thực vật và động vật” còn chưa được đội ngũ CBQL và giáo viên quan tâm, chú trọng; có thể là do CBQL và giáo viên cho rằng nội dung còn khó với học sinh tiểu học”.

So sánh đánh giá của nhóm CBQL và giáo viên về việc thực hiện nội dung dạy học môn TN&XH cho thấy nhóm giáo viên đánh giá có phần cao hơn nhóm CBQL trong tần suất thực hiện các nội dung (ĐTB chung của giáo viên là 2,77; của CBQL là 2,54). Thêm vào đó, Chủ đề về cộng đồng địa phương và Chủ đề về thực vật và động vật còn chỉ ở mức “thỉnh thoảng” thực hiện.

Liên quan đến nội dung dạy học môn TN&XH, chúng tôi đã khảo sát ý kiến của học sinh về mức độ hứng thú đối với các nội dung và mức độ thực hiện các nội dung môn học TN&XH và thu được kết quả như trong Bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của học sinh về mức độ hứng thú và mức độ thực hiện các nội dung môn TN&XH

TT	Nội dung	Hứng thú (%)			Thực hiện	
		KHT	HT	RHT	ĐTB	ĐLC
1	Chủ đề về gia đình	60,7	36,0	3,3	2,12	0,49
2	Chủ đề về trường học	27,3	65,3	7,3	2,59	0,61
3	Chủ đề về cộng đồng địa phương	63,3	32,0	4,7	2,15	0,67
4	Chủ đề về thực vật và động vật	34,0	56,7	9,3	2,47	0,64
5	Chủ đề về con người và sức khỏe	51,3	40,0	8,7	2,44	0,70
6	Chủ đề về trái đất và bầu trời	34,7	58,0	7,3	2,55	0,73

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$ ; KHT: Không hứng thú; HT: Hứng thú; RHT: Rất hứng thú

Bảng 3 cho thấy có sự phân hóa khá lớn trong hứng thú của học sinh đối với các nội dung môn TN&XH. Chủ đề về trường học có nhiều em chọn có hứng thú và rất hứng thú nhất, tiếp đó là Chủ đề về thực vật và động vật, Chủ đề về trái đất và bầu trời. Chủ đề về trường học có hứng thú nhất với học sinh bởi vì đây là môi trường gần gũi, là nơi các em học tập, hoạt động, giao lưu, chia sẻ với bạn bè, thầy cô giáo. Ngược lại, Chủ đề về gia đình, Chủ đề về cộng đồng địa phương có trên 60% học sinh không hứng thú và Chủ đề về con người và sức khỏe cũng có trên 50% học sinh không hứng thú. Tìm hiểu về điều này chúng tôi được biết do nội dung chưa gần gũi với các em, còn khó đối với nhận thức của lứa tuổi học sinh tiểu học, giáo viên chưa thường xuyên tổ chức dạy học môn TN&XH đủ thời gian được phân bổ.

Về mức độ tham gia các nội dung môn TN&XH, 4 trên 6 nội dung được các em đánh giá là đã tham gia một cách thường xuyên; 2 nội dung còn lại ở mức đôi khi tham gia. Chủ đề về trường

học được các em tham gia thường xuyên nhất, tiếp đến là Chủ đề trái đất và bầu trời (ĐTB = 2,59 và 2,55). Tương ứng với kết quả đánh giá hứng thú học tập ở trên, Chủ đề về gia đình và Chủ đề về cộng đồng địa phương chỉ được các em tham gia ở mức đôi khi (ĐTB = 2,12 và 2,15).

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy các trường tiểu học huyện Đức Trọng cần thực hiện đầy đủ thời gian, thực hiện thường xuyên các nội dung dạy học trong Chương trình môn TN&XH theo quy định; cần quan tâm đến hứng thú và đặc điểm của học sinh khi tổ chức dạy học.

### 3.3. Thực trạng thực hiện phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Để hiểu rõ thực trạng thực hiện phương pháp, hình thức dạy học môn TN&XH ở các trường Tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi đã khảo sát và thu được kết quả thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và giáo viên về tần suất thực hiện và hiệu quả thực hiện phương pháp, hình thức dạy học môn TN&XH

TT	Phương pháp, hình thức dạy học	Tần suất		Hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp, hình thức dạy học truyền thống (thuyết trình, diễn giảng, giải thích, hỏi-đáp, lấy ví dụ minh họa...)	2,63	1,05	3,35	0,85
2	Phương pháp quan sát (vật thật, mẫu vật, tranh ảnh, video...)	2,67	0,90	3,44	0,59
3	Phương pháp thực hành, thí nghiệm, xử lý tình huống thực tiễn	2,67	0,78	3,56	0,66
4	Tổ chức cho học sinh học thông qua trải nghiệm (điều tra, khám phá; vận dụng kiến thức vào thực tiễn)	2,53	0,25	3,43	0,32
5	Tổ chức cho học sinh học thông qua tương tác (trò chơi học tập, đóng vai, thảo luận...)	2,69	0,71	3,44	0,67
6	Tổ chức dạy học theo mô hình “học tập dựa trên tìm tòi phát hiện” (với 5 giai đoạn: Kết nối, Khám phá; Giải thích; Phát triển chi tiết; Đánh giá)	2,67	0,86	3,42	0,83
	<b>ĐTB chung</b>	<b>2,64</b>	<b>0,76</b>	<b>3,44</b>	<b>0,65</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Bảng 4 cho thấy, xét chung, theo 2 nhóm khách thể khảo sát thì các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học được sử dụng với tần suất khá thường xuyên (ĐTB chung = 2,64) và đạt hiệu quả tốt (ĐTB chung = 3,44). Về tần suất thực hiện, hình thức “*Tổ chức cho học sinh học thông qua trải nghiệm (điều tra, khám phá; vận dụng kiến thức vào thực tiễn)*” được thực hiện có phần ít hơn (ĐTB = 2,53) so với các phương pháp, hình thức tổ chức còn lại (ĐTB từ 2,63 đến 2,69). Về hiệu quả thực hiện, các phương pháp, hình thức đều được đánh giá cao là có hiệu quả tốt (ĐTB từ 3,35 đến 3,56). CBQL và giáo viên đánh giá “*Phương pháp thực hành, thí nghiệm, xử lý tình huống thực tiễn*” được sử dụng một cách hiệu quả nhất; ngược lại, “*Phương pháp, hình thức dạy học truyền thống (thuyết trình, diễn giảng, giải thích, hỏi-đáp, lấy ví dụ minh họa...)*” ít hiệu quả nhất.

Liên quan đến hình thức “*Tổ chức cho học sinh học thông qua trải nghiệm (điều tra, khám phá; vận dụng kiến thức vào thực tiễn)*”, qua trao đổi với chúng tôi, CBQL trường tiểu học N. chia

sẽ: "Đây là hình thức mà các nhà trường trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng còn ít áp dụng vì để tổ chức các hoạt động trải nghiệm thì phải có kinh phí và thời gian tổ chức. Tuy nhiên, hiện nay trong các nhà trường tiểu học huyện Đức Trọng nói chung và trường chúng tôi nói riêng thì vấn đề kinh phí tổ chức cho các HDDH thông qua trải nghiệm rất hạn hẹp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Điều này đặt ra cho các trường tiểu học trên địa bàn huyện Đức Trọng nói chung và trường tiểu học N. nói riêng là trong thời gian tới cần đầu tư nhiều hơn nữa kinh phí và làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm tăng cường nguồn kinh phí cho các hoạt động dạy học trải nghiệm môn TN&XH".

So sánh kết quả đánh giá tần suất thực hiện và hiệu quả thực hiện các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học giữa hai nhóm CBQL và giáo viên cho thấy có những sự khác biệt nhưng không nhiều và không lớn.

Chúng tôi cũng khảo sát ý kiến đánh giá của học sinh về mức độ thực hiện các phương pháp, hình thức dạy học môn TN&XH và kết quả được trình bày như trong Bảng 5.

Bảng 5 cho thấy 4 trên 6 phương pháp, hình thức được học sinh tham gia ở mức thường xuyên, với ĐTB > 2,40 (trên 3). Bên cạnh đó, "Phương pháp, hình thức dạy học truyền thống (thuyết trình, diễn giảng, giải thích, hỏi-đáp, lấy ví dụ minh họa...)" và "Phương pháp thực hành, thí nghiệm, xử lý tình huống thực tiễn" được đánh giá ở mức đôi khi.

Nhìn chung, qua khảo sát chúng tôi nhận thấy các trường Tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện nhiều phương pháp và hình thức dạy học môn TN&XH, tuy nhiên mức độ thực hiện mới chỉ dừng lại ở mức Khá thường xuyên.

Bảng 5. Đánh giá của học sinh về mức độ thực hiện phương pháp, hình thức dạy học môn TN&XH

TT	Phương pháp, hình thức	Mức độ thực hiện	
		ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp, hình thức dạy học truyền thống (thuyết trình, diễn giảng, giải thích, hỏi-đáp, lấy ví dụ minh họa...)	2,17	0,55
2	Phương pháp quan sát (vật thật, mẫu vật, tranh ảnh, video...)	2,59	0,65
3	Phương pháp thực hành, thí nghiệm, xử lý tình huống thực tiễn	2,29	0,60
4	Tổ chức cho học sinh học thông qua trải nghiệm (điều tra, khám phá; vận dụng kiến thức vào thực tiễn)	2,49	0,64
5	Tổ chức cho học sinh học thông qua tương tác (trò chơi học tập, đóng vai, thảo luận...)	2,43	0,66
6	Tổ chức dạy học theo mô hình "học tập dựa trên tìm tòi phát hiện" (với 5 giai đoạn: Kết nối, Khám phá; Giải thích; Phát triển chi tiết; Đánh giá)	2,55	0,73

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

### 3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và xã hội

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh là một khâu quan trọng nhằm cung cấp thông tin về chất lượng dạy học, mức độ đạt mục tiêu dạy học cho nhà trường cũng như thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để điều chỉnh HDDH. Chúng tôi đã khảo sát đánh giá của CBQL và giáo viên về thực trạng thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh và thu được kết quả như trong Bảng 6.

Bảng 6 cho thấy, xét chung, các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện khá thường xuyên (ĐTB chung = 2,70) và đạt hiệu quả Tốt (ĐTB chung = 3,38). Tuy nhiên, có sự phân hóa trong tần suất và hiệu quả thực hiện. Các phương pháp, hình thức có tần suất cao hơn là “Quan sát hoạt động học tập hoặc sản phẩm của học sinh”, “Vấn đáp/ kiểm tra miệng”, “Kết hợp các lực lượng giáo dục (nhà trường, cha mẹ học sinh, xã hội) trong đánh giá” (ĐTB = 2,82), tiếp đến là “Đánh giá theo nhóm” (ĐTB = 2,81) và “Kiểm tra viết (trắc nghiệm khách quan)” (ĐTB = 2,80). Các phương pháp, hình thức này phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm môn học TN&XH. Ngược lại, “Kiểm tra viết (tự luận)” ít được sử dụng nhất (ĐTB = 2,38).

Về hiệu quả thực hiện, 7 trên 9 phương pháp, hình thức được đánh giá đạt hiệu quả Tốt, 2 phương pháp còn lại đạt mức Khá. Trong đó, “Vấn đáp/ kiểm tra miệng” được đánh giá hiệu quả cao nhất (ĐTB = 3,66), tiếp đến là “Đánh giá kết quả học tập bằng thực hành” (ĐTB = 3,59), “Học sinh tự đánh giá kết quả học tập” và “Đánh giá kết quả học tập của bạn học (đánh giá đồng đẳng)” (ĐTB là 3,56 và 3,55). Ngược lại, “Quan sát hoạt động học tập hoặc sản phẩm của học sinh” được đánh giá ở mức thấp nhất (ĐTB = 2,75); tiếp theo là “Kiểm tra viết (trắc nghiệm khách quan)” (ĐTB = 3,15) và cả hai đều có hiệu quả ở mức Khá.

So sánh đánh giá của hai nhóm CBQL và giáo viên, không thấy có sự khác biệt có ý nghĩa. Hay nói rõ hơn, ý kiến đánh giá của CBQL và giáo viên về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn TN&XH của học sinh là khá tương đồng.

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và giáo viên về tần suất thực hiện và hiệu quả thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn TN&XH

TT	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập	Tần suất		Hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Quan sát hoạt động học tập hoặc sản phẩm của học sinh	2,82	0,91	2,75	0,91
2	Vấn đáp/ kiểm tra miệng	2,82	0,89	3,66	0,56
3	Kiểm tra viết (tự luận)	2,38	0,98	3,40	0,81
4	Kiểm tra viết (trắc nghiệm khách quan)	2,80	0,79	3,15	0,91
5	Đánh giá kết quả học tập bằng thực hành	2,60	0,80	3,59	0,56
6	Đánh giá kết quả học tập của bạn học (đánh giá đồng đẳng)	2,66	0,77	3,55	0,65
7	Đánh giá theo nhóm	2,81	0,80	3,32	0,83
8	Học sinh tự đánh giá kết quả học tập	2,63	0,77	3,56	0,63
9	Kết hợp các lực lượng giáo dục (nhà trường, cha mẹ học sinh, xã hội) trong đánh giá	2,82	0,91	3,45	0,71
	<i>ĐTB chung</i>	<i>2,70</i>	<i>0,85</i>	<i>3,38</i>	<i>0,73</i>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

### 3.5. Thực trạng điều kiện đảm bảo hoạt động dạy học môn Tự nhiên và xã hội

Để hoạt động dạy học môn TN&XH đạt chất lượng cao, cần đảm bảo đầy đủ các điều kiện cần thiết, trong đó có đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cũng như sự hỗ trợ, phối hợp của các lực lượng giáo dục. Chính vì vậy, chúng tôi đã khảo sát thực trạng mức độ đáp ứng các điều kiện này và thu được kết quả như trong Bảng 7 sau đây.

Bảng 7 cho thấy, xét chung, CBQL và giáo viên đánh giá các điều kiện đảm bảo cho hoạt động dạy học môn TN&XH đáp ứng ở mức Khá và giáo viên đánh giá có phần cao hơn so với CBQL. Xét riêng, CBQL đánh giá “Thiết bị dạy học đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội” có mức đáp ứng Tốt (ĐTB = 3,27); trong khi nhóm giáo viên đánh giá tốt điều kiện “Giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo định hướng phát triển năng lực học sinh” (ĐTB = 3,41). Cả hai nhóm CBQL và giáo viên đánh giá “Mạng Internet, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội” có mức đáp ứng thấp nhất (ĐTB tương ứng là 2,73 và 2,92). Bên cạnh đó, nhóm CBQL còn băn khoăn về mức đáp ứng của “Phòng học, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội” (ĐTB = 2,76). Chính vì vậy, CBQL ở các trường tiểu học cần quan tâm nhiều hơn nữa đến việc đầu tư cho Mạng Internet, thiết bị công nghệ thông tin và các phòng học, cơ sở vật chất phục vụ HỖ ĐH môn TN&XH.

Bảng 7. Mức độ đáp ứng của các điều kiện đảm bảo hoạt động dạy học môn TN&XH

TT	Điều kiện	CBQL		Giáo viên	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo định hướng phát triển năng lực học sinh.	3,20	0,59	3,41	0,74
2	Giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực	3,00	0,71	2,98	0,88
3	Phòng học, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	2,76	0,80	3,05	0,82
4	Mạng Internet, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	2,73	0,81	2,92	0,77
5	Thiết bị dạy học đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội	3,27	0,69	3,19	0,79
6	Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	3,04	0,71	3,08	0,79
	<b>ĐTB chung</b>	<b>3,00</b>	<b>0,72</b>	<b>3,11</b>	<b>0,80</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

#### 4. KẾT LUẬN

Chương trình GDPT 2018 yêu cầu đổi mới trong mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học nói chung và dạy học môn TN&XH nói riêng. Việc triển khai Chương trình GDPT 2018 mới đang ở giai đoạn đầu, vì vậy, cần có nhiều nghiên cứu đánh giá thực trạng thực hiện HỖ ĐH, từ đó, đề xuất các biện pháp điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng HỖ ĐH phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường.

Kết quả nghiên cứu thực trạng HỖ ĐH môn TN&XH ở các trường tiểu học huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cho thấy các trường đã thực hiện khá thường xuyên và đạt hiệu quả cao mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn những mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức chưa được thực hiện thường xuyên và chưa đạt hiệu quả cao.



Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, chúng tôi nhận thấy, trước hết, các trường cần tập trung nhiều hơn vào việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn TN&XH, đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Để thực hiện tốt việc đổi mới này, các trường cần tăng cường hiệu quả công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng phát triển năng lực dạy học cho giáo viên. Các trường cần quan tâm đến việc tạo động lực cho giáo viên phát huy tinh thần trách nhiệm trong dạy học môn TN&XH, từ đó, giảm thiểu tình trạng chuyển thời lượng dạy học môn TN&XH sang thực hiện các hoạt động khác. Bên cạnh đó, cần quan tâm đến việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính phục vụ HĐDH nói chung và dạy học môn TN&XH nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, năm 2018. Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD ngày 26 tháng 12 năm 2018. Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*, Số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2020. Hà Nội
- [3] Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái (2019). *Tài liệu tìm hiểu chương trình môn Tự nhiên và xã hội* (Trong Chương trình GDPT 2018). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] UBND huyện Đức Trọng (2022). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội- quốc phòng - an ninh 6 tháng; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của huyện Đức Trọng*.
- [5] UBND huyện Đức Trọng (2022). *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo năm học 2021 – 2022*. Lâm Đồng.

**Title:** CURRENT SITUATION OF TEACHING NATURAL AND SOCIAL SUBJECT IN ELEMENTARY SCHOOLS IN DUC TRONG DISTRICT, LAM DONG PROVINCE

**Abstract:** The General Education Program 2018 was born to meet the requirements of fundamental and comprehensive reform of Vietnamese education. The program requires renovation of educational objectives, contents, methods, forms of teaching and assessment of learning outcomes of subjects in general and of Nature and Society at primary school level in particular. In order to provide practical evidences for proposing measures to improve the quality of teaching Natural and Social subject, we have studied the current situation of teaching this subject in the primary schools in Duc Trong district, Lam Dong province. Research results show that there are still goals, contents, methods and forms that have not been implemented regularly and have not achieved high efficiency.

**Keywords:** Teaching, Natural and Social subject, Duc Trong district, Lam Dong province.